

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 364/2020/HSST
Ngày: 28- 12 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Bạ;

Bà Nguyễn Thị T Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Anh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 308/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 324/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Đoàn Minh N, sinh năm 2000, tại tỉnh An Giang; Nơi ĐKNKTT: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang; Tạm trú tại: Nhà trọ Tư Minh, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn N và bà Hồ Thị N; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị bắt và tạm giam từ ngày 26/6/2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

- Bị hại:

1/ Ông Đỗ Thành L, sinh năm 1983; HKTT: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; trú tại: B8/15, khu phố T 2, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2/ Ông Y Thương H, sinh năm 1991; trú tại: Buôn Ea K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Nguyễn Thị T T, sinh năm 1993; trú tại: Số 436, tổ 22, khu 1B, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

2/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968; trú tại: 1/121, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 26/6/2020 lực lượng Công an phường T, thành phố T tuần tra trên địa bàn, khi đến đường nội ô khu dân cư thuộc khu phố T 2, phường T, thành phố T thì phát hiện Đoàn Minh N và Ngô Phước L đang điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave màu đỏ không biển số có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Lúc này, Đoàn Minh N đang cầm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu đen, nghi ngờ đây là tài sản do phạm tội mà có nên lực lượng công an mời N và L về trụ sở làm việc.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 00 giờ ngày 26/6/2020 L điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave không biển số như đã nêu trên chở N ngồi phía sau đi đến khu nhà trọ có địa chỉ B8/15 khu phố T 2, phường T, thành phố T, L đứng ngoài cánh giới còn N leo qua hàng rào vào bên trong. N đi đến phòng số 10 thì nhìn thấy ông Đỗ Thành L đang ngủ nhưng không đóng cửa. N lén lút lấy chiếc điện thoại di động hiệu Vivo của ông Lập đang sạc pin gần cửa rồi trèo rào ra ngoài lên xe L chờ sẵn tẩu thoát.

Ngoài ra, N và L còn khai nhận thêm trước đó khoảng 02 đến 03 giờ ngày 23/6/2020 vẫn hình thức, thủ đoạn như trên. L chở N đến khu trọ địa chỉ 8/5A5 khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố T. L đứng bên ngoài cánh giới để N vào bên trong hành lang khu trọ lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện của ông Y Thương H. Cả hai mang xe đến cửa hàng mua bán xe đạp điện TĐ bán với giá 2.200.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen; 01 xe đạp điện màu đỏ hiệu Asama; 01 xe mô tô không gắn biển số, kiểu dáng Wave màu đỏ có số khung: VDE1P53FMH001739; số máy: VDEPCH0071D001739.

Biên bản định giá và Kết luận định giá tài sản ngày 03/7/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng Hình sự thành phố T kết luận 01 xe đạp điện màu đỏ hiệu Asama trị giá 3.200.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen trị giá 1.500.000 đồng. Tổng cộng: 4.700.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 324/CT-VKSTA ngày 20/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Đoàn Minh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng và đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Minh N mức hình phạt từ 08 (tám) tháng tù đến 11 (mười một) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Minh N trả lại cho bà Phạm Thị T số tiền 2.200.000 đồng.

Tại phiên Tòa bị cáo thống nhất với bản cáo trạng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về phần hình phạt và phần dân sự đối với bị cáo. Bị cáo không tranh luận và không tự bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Đoàn Minh N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 00 giờ ngày 26/6/2020, L điều khiển xe mô tô kiểu dáng Wave không biển số chở N đi đến khu nhà trọ thuộc khu phố T 2, phường T, thành phố T, L đứng ngoài cảnh giới để N leo rào vào bên trong lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo đang sạc pin gần cửa rồi trèo rào ra ngoài lên xe L chờ sẵn tàu thoát.

Ngoài ra, vào khoảng 02 đến 03 giờ ngày 23/6/2020 vẫn hình thức, thủ đoạn như trên. L chở N đến khu trọ địa chỉ 8/5A5 khu phố Bình Đáng, phường Bình Hòa, thành phố T. L đứng bên ngoài cảnh giới để N vào bên trong hành lang khu trọ lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện của ông Y Thương H.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Vivo trị giá 1.500.000 đồng và 01 xe đạp điện hiệu Asama màu đỏ trị giá 3.200.000 đồng (tổng trị giá 4.700.000 đồng) do bị cáo Đoàn Minh N thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố bị cáo N là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi lén lút để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

+ Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

+ Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; tài sản đã thu hồi giao trả cho bị hại. Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị áp dụng Điểm s

Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo N là phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh đen quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Đỗ Thành L. Ngày 08/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương đã trả lại tài sản này cho ông Lập là phù hợp, ông Lập không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với 01 xe đạp điện màu đỏ hiệu Asama quá trình điều tra xác định đây là tài sản của ông Y Thương H. Ngày 06/7/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương đã trả lại tài sản này cho ông Y Thương H là phù hợp, ông Y Thương H không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra.

Đối với xe mô tô không gắn biển số, kiểu dáng Wave màu đỏ 63B9 - 752.36 đối tượng Ngô Phước L khai nhận đây là xe do L mua lại của người khác (không xác định được nhân thân, địa chỉ), tuy nhiên không có tài liệu chứng minh. Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành giám định số khung, số máy và xác định chiếc xe này có số khung, số máy không đổi. Tiến hành xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ được biết xe này có biển số 63B9 - 752.36 do Nguyễn Thị T T đứng tên giấy đăng ký xe. Làm việc với bà T được biết quá trình sử dụng xe đến năm 2018 thì bị mất trộm tại địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, bà T đã không trình báo sự việc bị mất xe tới cơ quan công an. Xác định chiếc xe mô tô 63B9 - 752.36, có số khung: VDE1P53FMH001739; số máy: VDEPCH0071D001739 là tài sản hợp pháp của bà T nên ngày 18/9/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T đã Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản cho bà T là phù hợp. Bà T không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với bà Phạm Thị T là chủ cửa hàng mua bán xe TĐ. Ngày 23/6/2020 bà T mua xe đạp điện hiệu Asama màu đỏ do N và L mang đến bán. Tuy nhiên, bà T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T không truy cứu trách nhiệm hình sự bà T là phù hợp. Tuy nhiên bà T yêu cầu N trả lại số tiền 2.200.000 đồng mà N nhận của bà T khi bán xe, xét thấy yêu cầu của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với Ngô Phước L bị bắt giữ cùng với bị cáo N trong vụ án. Tại thời điểm bắt giữ để làm việc, chưa có căn cứ để xác định tuổi của L nên không áp dụng biện pháp ngăn chặn. Quá trình điều tra, tiến hành xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì L và gia đình không có mặt tại địa phương, làm việc với Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh An Giang thu thập được bản sao giấy khai sinh của L (không thu thập được giấy chứng sinh). Căn cứ bản sao giấy khai sinh của L (sinh ngày 31/12/2004) thì tại thời điểm L và bị can N thực hiện

hành vi phạm tội L chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T tiếp tục xác minh, củng cố hồ sơ khi có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

[4] Về án phí: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;
- Điều 589 Bộ luật dân sự.
- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 – 12 – 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm Hình sự: Tuyên bố bị cáo Đoàn Minh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Minh N 8 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/6/2020.

2. Về trách nhiệm Dân sự: Buộc bị cáo Đoàn Minh N bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 2.200.000 đồng (hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo Đoàn Minh N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 110.000 đồng (một trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THA thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Huỳnh Minh Trí